

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT CELFORD VIETNAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT CELFORD VIETNAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CELFORD VIETNAM CONSTRUCTION AND INTERIOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CELFORD VN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110869473

**3. Ngày thành lập:** 22/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5A ngõ 14 đường La Gián 2, thôn La Gián, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0816911988

Fax:

Email: celfordstudio@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                | 1313     |
| 2.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                | 1391     |
| 3.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)<br>(trừ trang phục)                             | 1392     |
| 4.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                 | 1399     |
| 5.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>(trừ trang phục từ da lông thú)      | 1410     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                       | 1420     |
| 7.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                   | 1430     |
| 8.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú<br>Chi tiết: Trừ những loại Nhà nước cấm | 1511     |
| 9.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                         | 1512     |
| 10. | Sản xuất giày, dép                                                                     | 1520     |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                          | 3100     |
| 12. | Xây dựng nhà để ở                                                                      | 4101     |
| 13. | Xây dựng nhà không để ở                                                                | 4102     |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                               | 4221     |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                    | 4222     |
| 16. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                     | 4223     |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                      | 4229     |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                               | 4291     |
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                  | 4293     |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                             | 4299     |

Thời gian đăng từ ngày 23/10/2024 đến ngày 22/11/2024

|     |                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Phá dỡ<br>(Loại trừ nội dung liên quan đến rà phá bom, mìn thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ)            | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ nội dung liên quan đến rà phá bom, mìn thuộc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ) | 4312        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                    | 4322        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                     | 4641        |
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 30. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                        | 4669        |
| 31. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                             | 4690        |
| 32. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                       | 4719        |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4753        |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4759        |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4771        |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                         | 4773        |
| 37. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                      | 4784        |
| 38. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                          | 4791        |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất<br>(Trừ thiết kế công trình xây dựng)                                                                                    | 7410(Chính) |
| 40. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                    | 9524        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI THẾ DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/01/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088029896

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đoàn Kết, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đoàn Kết, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THẾ DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/01/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088029896

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đoàn Kết, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đoàn Kết, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội